

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 6 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Quách Xuân Luyện và bà Lê Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm tham gia phiên tòa: ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đỗ Thị T - sinh năm 1981; nơi thường trú và nơi ở hiện nay: thôn L C, xã L T, huyện T L, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: anh Đào Văn D - sinh năm 1974; nơi thường trú và nơi ở hiện nay: tiểu khu K, thị trấn K K, huyện T L, tỉnh Hà Nam. Phiên tòa có mặt chị T, anh D vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn - chị Đỗ Thị T trình bày:* chị kết hôn với anh Đào Văn D vào năm 2003, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 24/11/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 5 năm, đến khoảng năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D thường xuyên chơi bời, cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con; dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát; khiến cho tình cảm vợ chồng phai nhạt, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên từ đầu 2019, chị đã đi làm ăn xa, vợ chồng đã

sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không liên lạc gì và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, khả năng đoàn tụ không còn. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: anh chị có hai con chung là cháu Đào Ngọc M - sinh ngày 03/10/2004 và cháu Đào Ngọc D1 - sinh ngày 01/01/2007, hiện nay cháu Ngọc M đã đủ 18 tuổi và lao động tự lập được, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu Ngọc D1 đang ở cùng anh D, nếu ly hôn chị nhất trí giao cháu Ngọc D1 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng và chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh D mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Ngọc D1 đủ 18 tuổi. Về con nuôi, con riêng: anh chị đều không có, hiện nay chị không mang thai.

- Về tài sản chung, công nợ: anh chị không có, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn đề nghị gì khác.

* *Về phía bị đơn anh Đào Văn D:* quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập báo anh Đào Văn D đến Tòa án để khai báo và làm việc với Tòa án, nhưng anh Đào Văn D đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương đến nhà anh D để làm việc với anh D. Tại buổi làm việc ngày 13/5/2024 anh Đào Văn D trình bày: anh kết hôn với chị Đỗ Thị T vào năm 2003, do anh chị tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Kiện Khê. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì chị Đỗ Thị T bỏ đi khỏi nhà, nhưng không rõ lý do. Sau này anh mới biết do chị T chơi đa cấp; dẫn đến nợ nần, nên bỏ đi khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không có liên lạc gì. Đến nay, chị T có đơn xin ly hôn với anh, anh cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về con chung: anh chị có hai con chung cháu Đào Ngọc M - sinh ngày 03/10/2004 và cháu Đào Ngọc D1 - sinh ngày 01/01/2007. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu, còn tùy chị T. Về con nuôi, con riêng: anh chị đều không có.

- Về tài sản chung, công nợ: anh chị không có, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các giấy tờ của Tòa án, nhưng do điều kiện công việc nên anh không đến Tòa án làm việc. Do anh là người công giáo nên anh không tự khai hay ký các giấy tờ liên quan đến việc ly hôn. Đồng thời anh xin vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như phiên tòa xét xử đối với vụ án trên.

* *Xác minh tại UBND thị trấn Kiện Khê xác định:* chị Đỗ Thị T và anh Đào Văn D kết hôn với nhau năm 2003, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm ngày 24/11/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh D tại: tiểu khu K, thị trấn K K, huyện T L, tỉnh Hà Nam. Sau khi về chung sống được một thời gian đến đầu năm 2008 thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng không cùng suy nghĩ, thường xuyên cãi vã nhau, dẫn đến việc chị T có đơn xin ly hôn với anh D. Sau khi nhận được đơn xin ly hôn của chị T, UBND thị trấn cũng đã mời các bên lên để hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng tại buổi hòa giải chị T trình bày: quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, lối sống, không thể tìm được tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, vì vậy chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh D, về phía anh D mặc dù đã được UBND thị trấn thông báo đến tham gia phiên hòa giải nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do, do vậy việc hòa giải không có kết quả. Đến nay, chị T có đơn xin ly hôn với anh D tại Tòa án, quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Trường hợp anh chị đều kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh, chị có hai con chung là cháu Đào Ngọc M - sinh ngày 03/10/2004 và cháu Đào Ngọc D1 - sinh ngày 01/01/2007. Nếu Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện của các bên cũng như nguyện vọng của các cháu để giải quyết.

- Về tài sản chung: do anh chị không đề nghị, nên địa phương không có ý kiến gì.

- Về công nợ: Tại địa phương anh, chị không có nợ tập thể, còn có nợ cá nhân nào không thì địa phương không rõ.

- Về ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu gì, nên địa phương cũng không có ý kiến gì.

Hiện nay, chị Đỗ Thị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, nên địa phương không nắm rõ chị T hiện làm công việc gì thu nhập bao nhiêu. Còn anh Đào Văn D đang làm công việc tự do, thu nhập như thế nào địa phương không rõ.

Tại bản tự khai ngày 13/5/2024 cháu Đào Ngọc D trình bày: nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng xin được ở với bố vì từ khi mẹ cháu bỏ đi cháu là người được bố nuôi dưỡng.

*** Tại phiên toà:**

- Chị Đỗ Thị T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và bổ sung thời điểm cấp dưỡng nuôi cháu Dương từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi cháu D1 đủ

18 tuổi và tự nguyện nộp toàn bộ án phí.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: áp dụng khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; - xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Đào Văn D. Về con chung: giao cháu Đào Ngọc D1 - sinh ngày 01/01/2017 cho anh Đào Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; chị Đỗ Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh Đào Văn D mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Đào Ngọc D1 đủ 18 tuổi. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về án đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị T có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Đào Văn D đăng ký thường trú tại tiểu khu K, thị trấn K K, huyện T L, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến xin vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như phiên tòa xét xử đối với vụ án trên; nên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị Đỗ Thị T và anh Đào Văn D là tự nguyện có đăng ký kết hôn nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như làm ăn kinh tế, nên hay xảy ra va chạm. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Đến nay, chị T kiên quyết xin ly hôn với anh D; bản thân anh D cũng nhất trí ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T anh D thuận tình ly hôn

là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: chị Đỗ Thị T và anh Đào Văn D có 02 con chung là cháu Đào Ngọc M - sinh ngày 03/10/2004 và cháu Đào Ngọc D1 - sinh ngày 01/01/2007. Hiện nay, cháu Ngọc M đã trưởng thành và lao động tự lập được, còn cháu Ngọc D1 đang được anh D nuôi dưỡng. Đến nay, chị T nhất trí giao cháu Ngọc D1 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, bản thân cháu Ngọc D1 cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với bố. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu D1; Hội đồng xét xử quyết định giao cháu D1 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: mặc dù anh D không có yêu cầu, nhưng chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho anh D mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi, xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con của chị T là tự nguyện, không trái pháp luật cũng như đạo đức, thể hiện trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái, do vậy, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị Đỗ Thị T và anh Đào Văn D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: do chị Đỗ Thị T và anh Đào Văn D thuận tình ly hôn, nên mỗi bên phải chịu một nửa án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

chị Đỗ Thị T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T.

1. Về hôn nhân: xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Đào Văn D.

2. Về con chung: giao cháu Đào Ngọc D1 - sinh ngày 01/01/2007 cho anh Đào Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi; chị Đỗ Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng anh Đào Văn D là 3.000.000 đồng, kể từ tháng 7/2024 cho đến khi cháu Đào Ngọc D đủ 18 tuổi. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Đỗ Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là

150.000 đồng, đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001232 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm. Chị Đỗ Thị T còn phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng)

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: chị Đỗ Thị T có mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Đào Văn D vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Công Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Cảnh